

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HSST
Ngày: 08/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH
Thẩm phán: Ông NGUYỄN TUẤN LONG
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông LÊ XUÂN HẢI
2/ Ông NGUYỄN VĂN HẢI
3/ Ông TRẦN VĂN THÀNH

- *Thư ký phiên tòa:* Bà NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ N - Sinh năm 1969 tại Khánh Hòa
Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, Khánh Hòa
Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 2/12; Dân tộc: Kinh;
Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam
Con ông: Nguyễn Văn X - sinh năm 1936 và bà Phạm Thị C (chết)
Chồng: Nguyễn Văn A (chết), có 01 con sinh năm 1996
Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2018; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa:** Luật sư **Huỳnh Văn T** – Công ty luật TNHH một thành viên A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N theo yêu cầu của Tòa án. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà **Hồ Thị H** – Sinh năm 1974
Trú tại: Thôn T3, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.
2. Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1975
Trú tại: Thôn T3, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.
3. Bà **Hoàng Thị Bích V** – Sinh năm 1985
Trú tại: Thôn T1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.
4. Ông **Mai Lữ Hoàng T1** – Sinh năm 1972
Trú tại: Tổ dân phố 02, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà **Đào Thị Ngọc T2** – Sinh năm 1981

Trú tại: Tổ dân phố 02, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông **Nguyễn Hữu H1** – Sinh năm 1996

Trú tại: Tổ dân phố 04, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

7. Ông **Lê Huỳnh Quốc T2** – Sinh năm 1991

Trú tại: Tổ dân phố 07, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

8. Bà **Nguyễn Thị P** – Sinh năm 1985

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà **Nguyễn Thị Như M** – Sinh năm 1960

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Bà **Lê Thị Nam Ph** – Sinh năm 1989

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Bà **Hồ Thị N** - Sinh năm 1972

Trú tại: Tổ dân phố 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Ông **Bùi Đông Đ** – Sinh năm 1987

Trú tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Bà **Trần Thị T3** – Sinh năm 1961

Trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Thành D** – Sinh năm 1982

Trú tại: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Nguyễn Duy P** – Sinh năm 1996

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Trần Thế L** – Sinh năm 1961

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà **Lê Thị Kim H** – Sinh năm 1970

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà **Nguyễn Thị Thúy H** – Sinh năm 1977

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm 1980

Trú tại: Thôn T2, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông **Nguyễn Ngọc D** – Sinh năm 1970

Trú tại: Tổ dân phố 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N là người giúp việc nhà cho ông Trần Thế L tại địa chỉ tổ dân phố 10, V, V, Khánh Hòa. Do muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với cách thức: N nói dối với một số người N quen biết trên địa bàn huyện V là N đang thu mua huỳnh đàn, trầm hương có lợi nhuận cao nhưng thiếu vốn và rủ họ tham gia góp vốn với N, N sẽ chia lợi nhuận đầy đủ. Hàng ngày, sau khi làm xong công việc tại nhà ông L, N thuê xe taxi hoặc dùng xe đạp điện đi lòng vòng quanh thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa với mục đích làm cho mọi người tin N đang đi buôn bán huỳnh đàn, trầm hương. Tin tưởng lời nói của N là có thật nên một số người đã đưa tiền cho N để góp vốn cùng N buôn bán huỳnh đàn, trầm hương kiếm lời. Sau khi nhận được tiền góp vốn, N không có hoạt động nào đi mua, bán trầm hương, huỳnh đàn mà sử dụng chính số tiền này để trả nợ, tiêu xài cá nhân và đưa lại một phần cho người góp vốn, N nói dối là tiền lãi do buôn bán huỳnh đàn, trầm hương có được để cho họ tin và tiếp tục đưa tiền cho N. Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên N đã chiếm đoạt tiền của nhiều người cụ thể như sau:

Vụ 1: Từ tháng 5/2017 đến 22/7/2017, Hồ Thị H ở thôn T3, V, V, Khánh Hòa đã đưa tiền cho N nhiều lần với tổng số tiền là 820.000.000 đồng để góp vốn cho N thu mua huỳnh đàn. Trong đó, có nhiều lần N nhờ Nguyễn Duy P, sinh năm 1996 (con ruột N) đến nhà bà H lấy tiền. Sau mỗi lần H đưa tiền, N đưa lại tiền cho H nhiều lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 2: Từ đầu tháng 7/2017 đến ngày 20/7/2017, Đào Thị Ngọc T2 ở tổ dân phố số 2, V, V, Khánh Hòa, đã nhiều lần đưa tiền cho N với tổng số tiền 300.000.000 đồng để góp vốn cho N thu mua huỳnh đàn. N đưa lại tiền cho T2 nhiều lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 3: Từ đầu tháng 4/2017 đến ngày 22/7/2017 Nguyễn Thị T ở tổ dân phố số 5, V, V, Khánh Hòa, đã nhiều lần đưa tiền cho N với tổng số tiền 352.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 96% để góp vốn cho N thu mua huỳnh đàn, N đưa lại tiền cho T nhiều lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn. Tại Công văn số 771/STC-QLGCS ngày 08/3/2018 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cung cấp: Giá bán ra bình quân tháng 7/2017 của vàng 96% là 3.275.750 đồng/chỉ. Vậy 5 chỉ vàng tương đương:

$3.275.750 \times 5 = 16.378.750$ đồng. Tổng số tiền N đã chiếm đoạt của T là 368.378.750 đồng.

Vụ 4: Từ tháng 6/2017 đến ngày 21/7/2017 Hoàng Thị Bích V ở thôn T1, V, V, Khánh Hòa, đã nhiều lần đưa tiền cho bà N với tổng số tiền là 145.000.000 đồng để góp vốn cho N thu mua huỳnh đàn. N đưa lại tiền cho V nhiều lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc thu mua huỳnh đàn.

Vụ 5: Từ tháng 6/2017 đến ngày 14/7/2017, Mai Lữ Hoàng T1 ở tổ dân phố số 2, V, V, Khánh Hòa, đã nhiều lần đưa tiền cho N với tổng số tiền là 265.000.000 đồng để góp vốn cho N thu mua huỳnh đàn. N đưa lại tiền cho T1 nhiều lần với tổng số tiền là 27.500.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 6: Từ tháng 6/2017 đến giữa tháng 7/2017, Nguyễn Hữu H ở tổ dân phố số 4, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền cho N nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho H nhiều lần với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 7: Từ tháng 6/2017 đến giữa tháng 7/2017, Lê Quốc T3 ở tổ dân phố số 7, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền cho bà N nhiều lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho T3 nhiều lần với tổng số tiền là 381.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 8: Từ khoảng đầu năm 2017 đến tháng 7/2017, Trần Thị T3 trú tại tổ dân phố số 4, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền nhiều lần cho N với tổng số tiền là 674.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho T3 nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 9: Từ khoảng tháng 3/2017 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thị P trú tại tổ dân phố số 10, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền nhiều lần cho N với tổng số tiền là 1.070.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho P nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, Nga nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 10: Từ khoảng tháng 5/2017 đến tháng 7/2017, Hồ Thị N trú tại tổ dân phố số 14, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền nhiều lần cho N với tổng số tiền là 217.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho N nhiều lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 11: Ngày 20/7/2017, Bùi Đông Đ trú tại tổ dân phố số 02, V, V, Khánh Hòa, đã đưa 21.000.000 đồng cho N. N đưa lại 1.500.000 đồng cho Đ và nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 12: Khoảng tháng 6/2017, Lê Thị Nam Ph trú tại tổ dân phố số 10, V, V, Khánh Hòa, đã đưa 100.000.000 đồng cho N. N đưa lại 38.000.000 đồng cho Ph và nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Vụ 13: Từ khoảng tháng 5/2017 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thị Như M trú tại tổ dân phố số 10, V, V, Khánh Hòa, đã đưa tiền nhiều lần cho N với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. N đưa lại tiền cho M nhiều lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, N nói dối là tiền lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn.

Tại Kết luận giám định số 97/GĐTP/2018 ngày 31/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa xác định chữ ký, chữ viết trên 04 tờ giấy xác nhận số tiền đã nhận từ Hồ Thị H, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị Bích V, Mai Lữ Hoàng T1, Đào Thị Ngọc T2 là do Nguyễn Thị Nga ký và viết ra.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Xpress Music màu trắng, viền xanh, màn hình màu cùng thẻ sim Viettel có số thuê bao 0965496120.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSKH-P1 ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến ngày 22/7/2017 Nguyễn Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức góp vốn buôn trầm hương, huỳnh đàn để chiếm đoạt của Hồ Thị H, Đào Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị Bích V, Mai Lữ Hoàng T1, Nguyễn Hữu H, Lê Quốc T3, Trần Thị T3, Nguyễn Thị P, Hồ Thị N, Bùi Đông Đ, Lê Thị Nam Ph, Nguyễn Thị Như M tổng số tiền là 5.180.378.750 đồng và đã giao lại cho những người trên tổng số tiền 1.913.000.000 đồng với hình thức là lợi nhuận từ việc bán huỳnh đàn. Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo **Nguyễn Thị N** về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Duy P có hành vi giúp N lấy tiền của Hồ Thị H nhưng P không biết việc N lừa đảo H để chiếm đoạt tiền nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị N. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị N để xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 15 đến 17 năm tù giam. Về trách nhiệm dân sự, cần buộc bị cáo phải bồi thường lại cho những người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Về vật chứng của vụ án, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Bào chữa cho bị cáo, luật sư Huỳnh Văn T nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Luật sư đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ, cụ thể: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ những người bị hại và những người làm chứng nhưng các ông bà: Hoàng Thị Bích V, Đào Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Như M, Lê Thị Nam Ph, Hồ Thị N, Bùi Đông Đ, Trần Thị T3, Nguyễn Thành D, Nguyễn Duy P, Trần Thế L, Lê Thị Kim H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Những người bị hại Hoàng Thị Bích V, Đào Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Như M, Lê Thị Nam Ph, Bùi Đông Đ, Trần Thị T3 và những người làm chứng Nguyễn Thành D, Trần Thế L, Lê Thị Kim H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người bị hại và người làm chứng nói trên không gây cản trở đối với việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận: Vào năm 2017, Nguyễn Thị N đã có hành vi nói dối một số người N quen biết trên địa bàn huyện V về việc N có mối thu mua huỳnh đàn, trầm hương mang lại lợi nhuận cao và rủ những người này tham gia góp vốn cùng N thu mua huỳnh đàn, trầm hương. Trên thực tế, bị cáo không tiến hành hoạt động mua bán huỳnh đàn, trầm hương mà sử dụng số tiền chiếm đoạt được để tiêu xài cá nhân, đồng thời bị cáo sử dụng thủ đoạn đưa lại một phần tiền cho những người góp vốn, nói dối với họ rằng đó là tiền lãi từ việc mua bán huỳnh đàn, trầm hương để họ tin tưởng và tiếp tục đưa tiền góp vốn cùng bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, cụ thể, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của những người bị hại sau đây:

Vụ 1: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Hồ Thị H số tiền 820.000.000 đồng và đưa lại cho bà H 200.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 2: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Đào Thị Ngọc T2 số tiền 465.000.000 đồng, sau đó đã đưa lại cho bà T2 165.000.000 đồng khi bà T2 yêu cầu và đưa cho bà T2 70.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 3: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T số tiền 325.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 96% (có giá trị 16.378.750 đồng). Bị cáo đã đưa lại cho bà T 100.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 4: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Bích V số tiền 165.000.000 đồng, sau đó đã đưa lại cho bà V 20.000.000 đồng khi bà V yêu cầu và đưa cho bà V 20.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 5: Bị cáo đã chiếm đoạt của ông Mai Lữ Hoàng T1 số tiền 265.000.000 đồng và đưa lại cho ông T1 27.500.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 6: Bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu H số tiền 150.000.000 đồng và đưa lại cho ông H 65.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 7: Bị cáo đã chiếm đoạt của ông Lê Quốc T số tiền 1.000.000.000 đồng và đưa lại cho ông T 381.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 8: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Trần Thị T3 số tiền 674.000.000 đồng và đưa lại cho bà T3 300.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 9: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị P số tiền 1.070.000.000 đồng và đưa lại cho bà P 600.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 10: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Hồ Thị N số tiền 217.000.000 đồng và đưa lại cho bà N 90.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 11: Bị cáo đã chiếm đoạt của ông Bùi Đông Đ số tiền 21.000.000 đồng và đưa lại cho ông Đ 1.500.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 12: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Nam Ph số tiền 100.000.000 đồng và đưa lại cho bà Ph 38.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Vụ 13: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Như M số tiền 50.000.000 đồng và đưa lại cho bà M 20.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận từ việc mua bán huỳnh đàn.

Xét thấy: Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSKH-P1 ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã kết luận: Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị N đã lừa đảo chiếm đoạt của 13 người bị hại là 5.180.378.750 đồng. Xem xét số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với bà Đào Thị Ngọc T2, bị cáo thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối làm bà T2 tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 465.000.000 đồng, một thời gian sau, do bà T2 cần tiền nên đã yêu cầu bị cáo trả lại 165.000.000 đồng. Đối với bà Hoàng Thị Bích V, cũng bằng thủ đoạn tương tự, bà V đã tin tưởng đưa cho bị cáo số tiền 165.000.000 đồng, sau khoảng một tuần do bà V cần tiền nên đã yêu cầu bị cáo đưa lại 20.000.000 đồng. Trên thực tế, bị cáo N thừa nhận không hề có hoạt động thu mua huỳnh đàn, trầm hương mà bị cáo chỉ nói dối để các bị hại tin tưởng và giao tài sản cho bị cáo. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm những người bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo, bị cáo cũng thừa nhận việc bị cáo đưa lại một phần tiền góp vốn theo yêu cầu của các bị hại là vì sợ bị bại lộ và cần để các bị hại tiếp tục tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà Đào Thị Ngọc T2 là 465.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Bích V là 165.000.000 đồng mới phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, cần xác định tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị N đã chiếm đoạt của những người bị hại Hồ Thị H, Đào Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị Bích V, Mai Lữ Hoàng T1, Nguyễn Hữu H, Lê Quốc T, Trần Thị T3, Nguyễn Thị P, Hồ Thị N, Bùi Đông Đ, Lê Thị Nam Ph, Nguyễn Thị Như M là 5.365.378.750 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị

hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có căn cứ cho rằng bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội phạm và hình phạt còn được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là điều luật có lợi hơn cho người phạm tội so với khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần xem xét áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo. Như vậy, có cơ sở để kết luận rằng, bản cáo trạng số: 20/CT-VKSKH-P1 ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đầy đủ nhận thức về hành vi của mình nhưng đã vì mục đích vụ lợi mà dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không có thật khiến người bị hại tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại là 5.365.378.750 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong xã hội; bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên; do đó cần phải xét xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử cho rằng không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại Nguyễn Thị Như M xác định sau khi phạm tội và trở về địa phương, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Như M số tiền 25.000.000 đồng; đồng thời bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, cụ thể: bà Hồ Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà H 620.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà T số tiền 268.378.750 đồng, ông Mai Lữ Hoàng T1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông T1 số tiền 237.500.000 đồng, ông Nguyễn Hữu H yêu cầu

bị cáo bồi thường cho ông H số tiền 85.000.000 đồng, ông Lê Quốc T yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông T số tiền 619.000.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vụ án vắng mặt, những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, cụ thể: bà Đào Thị Ngọc T2 yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà T2 số tiền 230.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Bích V yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà V số tiền 125.000.000 đồng, bà Trần Thị T3 yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà T3 số tiền 374.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà P số tiền 470.000.000, ông Bùi Đông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông Đ số tiền 19.500.000 đồng, bà Lê Thị Nam Ph yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà Ph số tiền 62.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như M yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà M số tiền 5.000.000 đồng (đã khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng bị cáo bồi thường cho bà M sau khi phạm tội). Xét thấy yêu cầu của những người bị hại nói trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại – bà Hồ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không xác định rõ yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết thành vụ án dân sự khác khi bà N có đơn yêu cầu.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy điện thoại di động hiệu Nokia Xpress Music màu trắng, viền xanh, màn hình màu đã qua sử dụng cùng thẻ sim Viettel có số thuê bao 0965.496.120 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị N là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN THỊ N 17 (mười bảy) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Bị cáo Nguyễn Thị N có nghĩa vụ phải bồi thường cho những người bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Hồ Thị H: 620.000.000 đồng
- Bồi thường cho bà Đào Thị Ngọc T2: 230.000.000 đồng
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T: 268.378.750 đồng
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị Bích V: 125.000.000 đồng
- Bồi thường cho ông Mai Lữ Hoàng T1: 237.500.000 đồng
- Bồi thường cho ông Nguyễn Hữu H: 85.000.000 đồng
- Bồi thường cho ông Lê Quốc T: 619.000.000 đồng

- Bồi thường cho bà Trần Thị T3: 374.000.000 đồng
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị P: 470.000.000 đồng
- Bồi thường cho ông Bùi Đông Đ: 19.500.000 đồng
- Bồi thường cho bà Lê Thị Nam Ph: 62.000.000 đồng
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Như M: 5.000.000 đồng.

Tách ra để giải quyết thành vụ án dân sự khác khi người bị hại – bà Hồ Thị N có đơn yêu cầu.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước một điện thoại di động hiệu Nokia Xpress Music màu trắng, viền xanh, màn hình màu đã qua sử dụng cùng thẻ sim Viettel có số thuê bao 0965.496.120 của bị cáo Nguyễn Thị N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 94.307.575 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị N, những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND CC tại Đà Nẵng
- TTG CA tỉnh Khánh Hòa
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo + Người TGTT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH